

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NHTMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2009

Mục lục:

Phần 1: Giới thiệu VCBS

1. Thông tin về công ty
2. Các thành tựu nổi bật
3. Tầm nhìn VCBS
4. Các dịch vụ chính
5. Sơ đồ tổ chức
6. Mạng lưới hoạt động

Phần 2: Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng thành viên và Giám đốc công ty

Phần 3: Kết quả kinh doanh 2009

1. Tổng quan kinh tế Việt Nam 2009
2. Tổng kết thị trường Chứng khoán Việt Nam 2009
3. Kết quả hoạt động kinh doanh của VCBS 2009

Phần 4: Định hướng hoạt động kinh doanh 2010

1. Các chỉ tiêu kinh doanh chính của công ty
2. Các định hướng 2010

Phần 5: Báo cáo tài chính 2009

1. Báo cáo của Ban giám đốc
2. Báo cáo Kiểm toán độc lập

I. Giới thiệu VCBS

1. Thông tin về công ty

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS) được thành lập theo Quyết định số 27/QĐ-HĐQT ngày 07/01/2002 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam. Là một trong những công ty chứng khoán ra đời sớm nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam, với vốn điều lệ ban đầu 60 tỷ đồng Việt Nam, đến năm 2009 VCBS đã tăng vốn điều lệ lên 700.000.000.000 (Bảy trăm tỷ đồng).

- **Tên Công ty** : Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
- **Tên tiếng Anh** : Vietcombank Securities Co.,Ltd
- **Tên giao dịch viết tắt** : VCBS
- **Vốn điều lệ** : 700.000.000.000 VND (Bảy trăm tỷ đồng)
- **Trụ sở chính** : Tầng 12 & 17 Toà nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- **Điện thoại** : (04) 39366990
- **Fax** : (04) 39360262
- **Email** : headquarter@vcbs.com.vn
- **Website** : www.vcbs.com.vn
- **Ngành nghề hoạt động:** VCBS được phép thực hiện tất cả các nghiệp vụ chứng khoán và kinh doanh chứng khoán, bao gồm:
 - ✓ Môi giới Chứng khoán;
 - ✓ Tư vấn đầu tư Chứng khoán;
 - ✓ Tự doanh;
 - ✓ Lưu ký Chứng khoán;
 - ✓ Bảo lãnh Phát hành;
 - ✓ Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp.
- **Số lượng tài khoản:** 53.000 tài khoản.

2. Các thành tựu nổi bật

- ✓ Là công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán qua mạng Internet với tiện ích Cyber Investor.
- ✓ Là công ty chứng khoán đầu tiên thực hiện thành công hoạt động tư vấn và bảo lãnh phát hành cổ phiếu doanh nghiệp.
- ✓ Dẫn đầu trong lĩnh vực môi giới trái phiếu, bảo lãnh phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu địa phương và trái phiếu doanh nghiệp.

3. Tầm nhìn VCBS:

Trở thành Ngân hàng đầu tư hàng đầu trên thị trường Việt Nam và là một thực thể quan trọng của *TẬP ĐOÀN TÀI CHÍNH VIETCOMBANK* trong mảng hoạt động Ngân hàng đầu tư.

4. Các dịch vụ chính

4.1 Dịch vụ chứng khoán

a. Môi giới chứng khoán:

Với nguyên tắc công bằng, trung thực và tận tụy, VCBS cung cấp Dịch vụ môi giới cho tất cả các khách hàng cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước thông qua các hình thức giao dịch đa dạng thuận tiện, với tốc độ xử lý lệnh nhanh chóng chính xác và an toàn.

b. Tư vấn đầu tư chứng khoán:

Với phương châm hoạt động “Khách hàng là trọng tâm”, VCBS thấu hiểu và luôn nỗ lực không ngừng để đáp ứng nhu cầu cập nhật thông tin, phục vụ quyết định đầu tư của Khách hàng. VCBS cung cấp tới Khách hàng những thông tin đa dạng bao gồm các bản phân tích thị trường định kỳ, báo cáo chuyên sâu về ngành, công ty, ý kiến tư vấn về chiến lược và kỹ thuật giao dịch.

c. Lưu ký chứng khoán:

Trên nền công nghệ hiện đại, VCBS đã xây dựng chương trình quản lý sổ cổ đông an toàn, thuận tiện, cho phép quản lý số lượng lớn công ty và cổ đông. Uy tín của VCBS đã được khẳng định thông qua các hợp đồng quản lý sổ cổ đông cho các công ty đại chúng chưa niêm yết với số lượng cổ đông lên tới hàng chục nghìn người. Yếu tố nhân sự cũng đã được VCBS chú trọng nhằm xây dựng một đội ngũ lưu ký chuyên nghiệp, tin cậy, vì quyền lợi khách hàng.

4.2 Dịch vụ ngân hàng đầu tư:

a. *Tư vấn chuyển đổi doanh nghiệp:* VCBS sẽ hỗ trợ doanh nghiệp tìm ra hình thức hoạt động hiệu quả, phù hợp nhất với yêu cầu phát triển của thị trường. Tùy thuộc yêu cầu của doanh nghiệp, VCBS sẽ tư vấn việc thực hiện cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, chuyển đổi các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành công ty cổ phần, chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại.

b. Tư vấn tài chính doanh nghiệp:

Ngay từ những ngày đầu thành lập, VCBS đã luôn quan tâm chú trọng đẩy mạnh phát triển các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp, nhằm cung cấp cho khách hàng các gói dịch vụ đa dạng như tư vấn tái cấu trúc vốn, tư vấn quản trị tài chính doanh nghiệp, tư vấn và bảo lãnh phát hành cổ phiếu, trái phiếu, và các sản phẩm huy động vốn khác.

c. Tư vấn niêm yết:

Để đảm bảo doanh nghiệp niêm yết thành công, VCBS đã xây dựng một quy trình niêm yết chuẩn mực với lộ trình cụ thể phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế của từng doanh nghiệp, từ việc khảo sát, đánh giá thực trạng doanh nghiệp, lập hồ sơ xin chấp thuận từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền, lưu ký, niêm yết và hỗ trợ doanh nghiệp sau niêm yết.

d. Tư vấn mua bán sáp nhập:

Với đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm và chuyên nghiệp, VCBS luôn nỗ lực cùng các khách hàng hoàn thiện việc mua bán sáp nhập thành công, hiệu quả và nhanh chóng. Dựa trên nền tảng các dịch vụ sản phẩm đa dạng, VCBS cung cấp cho khách hàng nhiều lựa chọn khác nhau từ tìm kiếm cơ hội đầu tư mua, bán, trợ giúp làm khảo sát đến định giá tài sản, làm thủ tục....

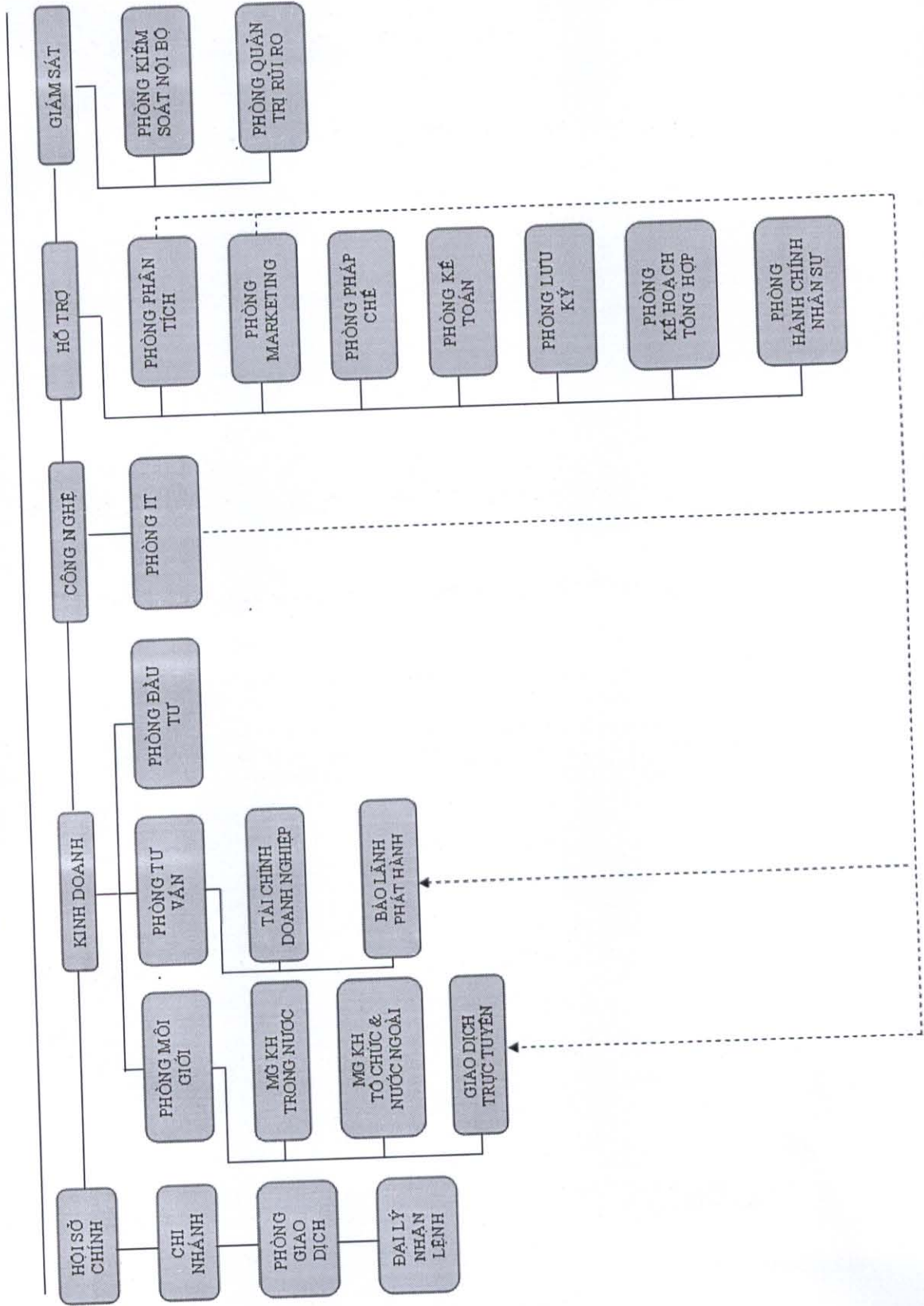
e. Bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán:

VCBS giúp tổ chức phát hành thực hiện các thủ tục trước khi chào bán chứng khoán, nhận mua toàn bộ giá trị chứng khoán của tổ chức phát hành để bán lại hoặc mua số chứng khoán còn lại chưa phân phối hết. Sử dụng dịch vụ Bảo lãnh Phát hành cũng đồng nghĩa với việc mọi rủi ro liên quan tới đợt phát hành chứng khoán của khách hàng được chuyển giao hoàn toàn cho VCBS.

Song song với dịch vụ Bảo lãnh Phát hành, VCBS còn cung cấp thêm dịch vụ Đại lý Phát hành, tạo sự đa dạng cho khách hàng chọn lựa các hình thức dịch vụ phù hợp. Dịch vụ Đại lý Phát hành là việc VCBS nhận bán chứng khoán cho tổ chức phát hành thông qua mạng lưới của VCBS và VCB.

5. Sơ đồ tổ chức:

VIETCOMBANK SECURITIES - VCBS



6. Mạng lưới hoạt động:

Trụ sở chính:

Tầng 17, Vietcombank Tower, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: 84-4-39366426 Fax: 84-4-39360262

Tầng 12, Vietcombank Tower, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: 84-4-39366990 Fax: 84-4-39360262

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Lầu 1, toà nhà Green Star, số 70 Phạm Ngọc Thạch, P6, Q3, TPHCM

Tel: 84-8-38208116 Fax: 84-8-38208117

Lầu 6, toà nhà Khánh Nguyên, số 63 Phạm Ngọc Thạch, P6, Q3, TPHCM

Tel: 84-8-38200799 Fax: 84-8-38200770

CN Đà Nẵng:

Tầng 2, toà nhà TCT Du lịch Hà Nội, số 10 đường Hải Phòng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu,

TP. Đà Nẵng

Tel: 84-511-3888991 Fax: 84-511-3888881

Phòng giao dịch PGD Cầu Giấy:

Tầng 1- Toà nhà CTM-299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 84-4-22201599 Fax: 84-4-22201419

Phòng giao dịch Nguyễn Huệ:

Lầu 4, Trung tâm dịch vụ văn phòng giao dịch nước ngoài (OSIC), số 8 Nguyễn Huệ, Q1, TP HCM

Tel: 84-8-38292866 Fax: 84-8-38293062

Đại lý nhận lệnh Đại lý nhận lệnh Cần Thơ:

Số 7 Đại lộ Hoà Bình, Thành phố Cần Thơ

Tel: 84-71-3820445 Fax: 84-71-3820694

Đại lý nhận lệnh Đồng Nai:

77C Hưng Đạo Vương, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

Tel: 84-61-3948313 Fax: 84-613-3940312

Đại lý nhận lệnh Bình Dương:

72 Phường Phú Hoà, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Tel: 84-650-3831227 Fax: 84-650-3838674

Đại lý nhận lệnh An Giang:

Số 1 Đường Hùng Vương, TP Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Tel: 84-76-3841803 Fax: 84-76-3841591

Đại lý nhận lệnh Vũng Tàu:

27 Trần Hưng Đạo, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Tel: 84-64-3858697 Fax: 84-64-3512649

Đại lý nhận lệnh Phú Mỹ Hưng:

Toà nhà Lawrence Sting, 801 Nguyễn Lương Bằng, Khu đô thị Phú Mỹ Hưng, Quận 7, TPHCM
Tel: 84-8-54160074 Fax: 84-8-54135127

Đại lý nhận lệnh Hải Dương:

66 Nguyễn Lương Bằng, TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
Tel: 84-320-3896424 Fax: 84-320-3894255

II. Thông điệp của Chủ tịch HĐQT và Giám đốc công ty:

Quý vị thân mến,

Năm 2009, mặc dù gặp nhiều khó khăn từ khủng hoảng kinh tế toàn cầu, nhưng với chính sách điều hành kinh tế linh hoạt của Chính phủ, cùng với gói hỗ trợ kích cầu kịp thời đã đưa nền kinh tế Việt Nam từng bước vượt qua khó khăn, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2009 đạt 5,32%, vượt mục tiêu kế hoạch 5%. Năm 2009 chúng ta cũng chứng kiến sự phục hồi mạnh mẽ của thị trường chứng khoán Việt Nam: chỉ số Vn-Index đã tăng 67% trong năm, tăng 2,68 lần tính từ đáy 234 điểm tháng 3/2009 lên đỉnh 618 điểm tháng 10/2009.

Năm 2009, áp lực về cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán trở nên gay gắt, đặc biệt trong việc cung ứng các sản phẩm, dịch vụ mới để thu hút khách hàng. Trong bối cảnh đó, VCBS đã không ngừng hoàn thiện, cung cấp mới các sản phẩm dịch vụ (hướng đến giao dịch trực tuyến) cho khách hàng đồng thời với việc kiện toàn tổ chức bộ máy, đổi mới công nghệ, tăng cường quản trị rủi ro nhằm hoàn thiện hoạt động quản trị điều hành của VCBS. Trong bối cảnh môi trường kinh doanh còn nhiều khó khăn, VCBS vẫn đạt được lợi nhuận sau thuế 330 tỷ đồng, đây là một kết quả đáng khích lệ của VCBS tạo tiền đề cho hoạt động kinh doanh năm 2010.

Bước sang năm 2010, nền kinh tế được dự báo tiếp tục đà phục hồi nhưng còn nhiều thách thức như nguy cơ lạm phát, thâm hụt ngân sách, cán cân thanh toán. Thị trường chứng khoán Việt

Nam năm 2010 được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng nhưng khó có sự tăng trưởng mạnh mẽ như năm 2009. Với những nhận định đó, trong năm 2010, VCBS sẽ thực hiện việc thay thế phần mềm công nghệ mới với nhiều tiện ích, tính năng và tốc độ xử lý vượt trội, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ cung cấp tới khách hàng. Song song với việc đầu tư chiều sâu, VCBS cũng sẽ phát triển mở rộng mạng lưới tại các địa bàn mới, tiếp tục tái cấu trúc hoạt động và tăng cường công tác quản trị điều hành.

Thưa Quý vị,

Xác định môi trường và hoạt động kinh doanh chứng khoán trong năm 2010 còn khó khăn, Ban lãnh đạo VCBS vẫn lựa chọn mục tiêu của VCBS trong năm 2010 là tăng trưởng ổn định và bền vững, nâng cao năng lực tài chính và xây dựng bộ máy quản trị linh hoạt, hiệu quả. Trong khó khăn, thử thách, thị trường luôn ẩn chứa những cơ hội thành công cho những công ty có tiềm lực về tài chính, đội ngũ nhân sự có trình độ, kinh nghiệm, hệ thống công nghệ hiện đại và kiên trì theo đuổi những mục tiêu phát triển dài hạn. Với những định hướng đúng đắn và đầu tư lâu dài cho tương lai, VCBS sẽ luôn đồng hành cùng quý khách hàng và các đối tác tin cậy vượt qua thử thách đi tới thành công.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Phạm Quang Dũng

Ngô Quang Trung

III. Kết quả kinh doanh 2009:

1. Tổng quan kinh tế Việt Nam năm 2009:

Tại Việt Nam, ngay từ những ngày đầu khủng hoảng, vai trò điều hành của nhà nước đã được nhấn mạnh trong việc ngăn chặn mức độ suy thoái, giúp nền kinh tế phục hồi nhanh chóng. Các chính sách nói lỏng tiền tệ mà công cụ chính là cắt giảm lãi suất đã được Chính phủ tiến hành triệt để. Bên cạnh đó, các chính sách tài khoá như miễn giảm thuế, đẩy mạnh chi tiêu công cũng đã được triển khai trên diện rộng với mục đích kích cầu nội địa. Sau một thời gian thực hiện, những biện pháp trên đã phát huy những hiệu quả nhất định. Những dấu hiệu phục hồi của các chỉ số kinh tế vĩ mô đã bắt đầu xuất hiện từ giữa quý II năm 2009 và tiếp tục được khẳng định trong quý III và IV. Tính chung cả năm 2009, tổng sản phẩm trong nước đã tăng 5,32% so với năm trước và vượt kế hoạch đề ra 0,12%. Hoạt động ngoại thương kém nhộn nhịp là một đặc điểm của kinh tế Việt Nam trong năm 2009. Tính chung cả năm, tổng kim ngạch xuất khẩu nước ta ước tính đạt 56,6 tỷ USD. Như vậy, lần đầu tiên kể

từ cải cách kinh tế, hoạt động xuất khẩu có mức tăng trưởng âm (-10%). Trong khi đó, kim ngạch hàng hoá nhập khẩu ước tính 68,8 tỷ USD, giảm 14,7% so với năm 2008. Do kinh tế thế giới có sự phục hồi nên một số mặt hàng đã tăng giá, mặt khác, kinh tế trong nước đạt tốc độ tăng trưởng khá nên nhu cầu hàng hoá tiêu dùng cho sản xuất và đời sống cũng tăng lên nên kim ngạch nhập khẩu hàng hoá tháng 9, tháng 10, tháng 11 và tháng 12 liên tục tăng so với cùng kỳ năm trước với tốc độ tăng lần lượt là: 13,9%, 14,5%, 44,5% và 15,7% cao hơn nhiều tốc độ tăng trưởng xuất khẩu cùng kỳ. Do đó, thâm hụt cán cân thương mại ngày càng gia tăng về cuối năm.

Nhập siêu tăng trong khi kiều hối giảm khiến thâm hụt tài khoản vãng lai gia tăng và đạt mức 7 tỷ USD tương đương với 7,6% GDP vào thời điểm cuối năm. Mặc dù tài khoản vốn đạt khoảng 10,2 tỷ USD có đủ ngoại tệ để bù đắp thâm hụt tài khoản vãng lai nhưng kỳ vọng phá giá tiền đồng đã gây ra tình trạng găm giữ ngoại tệ của các chủ thể kinh tế. Đây chính là nguyên nhân dẫn đến tình trạng căng thẳng trên thị trường ngoại hối trong những tháng cuối năm. Thị trường ngoại tệ chỉ tạm thời dịu bớt khi Ngân hàng Nhà nước quyết định nâng trần tỷ giá bình quân liên ngân hàng lên 3,4% vào cuối tháng 11.

Bên cạnh đó, khủng hoảng tài chính toàn cầu đã dẫn đến sự sụt giảm của dòng vốn FDI. Sang năm 2010, chúng ta hy vọng rằng khối lượng vốn FDI đổ vào Việt Nam sẽ nằm trong khoảng từ 22 đến 25 tỷ USD tăng nhẹ so với kết quả của năm 2009.

Kết thúc năm 2009, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của nước ta đã đạt mức 155,6 điểm, tăng 6,52% so với cùng kỳ năm trước. Nếu tính trung bình 12 tháng, CPI năm nay đã cao hơn 6,7% so với năm 2008. Theo đó, kế hoạch kiềm chế lạm phát dưới 7% của Chính phủ đã được hoàn thành.

Như vậy, với việc các chỉ số kinh tế vĩ mô liên tục biến động theo chiều hướng tích cực cùng với thời gian trong năm 2009, chúng ta có thể tự tin nhận định rằng những điều tồi tệ nhất của nền kinh tế đã qua và chúng ta đang trong quá trình phục hồi.

2. Tổng kết thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2009.

Thị trường chứng khoán năm 2009 gây bất ngờ với sự hồi phục nhanh hơn mong đợi. Tính đến 31/12/2009, Vn-Index tăng 58% (171,96 điểm) đạt 494,77 điểm, Hnx-Index tăng 60,9% so với đầu năm lên 168,2 điểm. Nếu tính đỉnh thiết lập trong tháng 10 (633,21 điểm và 218,38 điểm) và đáy của tháng 2 (234,66 điểm và 78,06 điểm) thì Vn-Index và Hnx-Index hồi phục 270% và là một trong những thị trường hồi phục mạnh nhất thế giới.

Đi cùng với diễn biến hồi phục mạnh, thị trường ghi nhận sự mở rộng về quy mô và giá trị giao dịch. Tính đến tháng 12 mức vốn hóa của TTCK Việt Nam đạt 669 nghìn tỷ (55% GDP 2008), tăng 3 lần so với cuối năm trước, toàn bộ thị trường có 730.000 tài khoản tăng 25% so với năm 2008. Số cổ phiếu mới niêm yết tăng mạnh từ giữa năm trong đó có khá nhiều doanh nghiệp quy mô lớn như

Vietcombank, Viettinbank... Giá trị giao dịch bình quân năm 2009 đạt 2473 tỷ tăng 2,37 lần so với năm 2008. Trong tháng 10 giao dịch lên tới kỷ lục khi bình quân đạt 5,759 tỷ/phiên.

Năm 2009, vai trò của nhà đầu tư trong nước nổi lên chi phối, che lấp nhà đầu tư nước ngoài từ đó khiến thị trường biến động mạnh với đợt sóng tăng giảm xen kẽ trong xu thế đi lên. Thị trường nổi bật với sự chi phối của dòng tiền và tâm lý đầu tư ngắn hạn.

Các yếu tố ảnh hưởng:

- Chính sách tiền tệ nới lỏng, lãi suất được hỗ trợ 4% đã kích thích dòng tiền tham gia thị trường chứng khoán. Trong suốt năm qua, về cơ bản thị trường chịu ảnh hưởng chính từ các chính sách tiền tệ của NHNN. Động thái thắt chặt tiền tệ trong 2 tháng cuối năm đã ngay tức thì khiến thị trường điều chỉnh sụt giảm cả về điểm số và thanh khoản.
- Nền kinh tế vĩ mô thoát khỏi suy thoái và hồi phục dần đem lại niềm tin cho nhà đầu tư.
- Nhóm công ty niêm yết thuộc các ngành bất động sản, xây dựng, vật liệu xây dựng, công nghiệp,... hưởng lợi từ chính sách nới lỏng tiền tệ, hỗ trợ lãi suất của Chính Phủ và giá nguyên liệu đầu vào rẻ đã có kết quả kinh doanh tăng trưởng vượt bậc hấp dẫn dòng tiền đầu tư.
- Sự hỗ trợ từ công ty chứng khoán với các dịch vụ mới như đòn bẩy tài chính, bán sớm hơn quy định cũng là lý do quan trọng tạo nên biến động trên thị trường.

Đóng cửa năm 2009, thị trường chứng khoán đã có một năm giao dịch thành công với kết quả vượt quá kỳ vọng. Bên cạnh đó, thị trường cũng chịu những thách thức không nhỏ ảnh hưởng tới xu hướng phát triển năm 2010 từ viễn cảnh kinh tế vĩ mô, chính sách điều hành kinh tế vĩ mô, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, cạnh tranh giữa các công ty cung cấp dịch vụ và chính sách của nhà điều hành thị trường.

3. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009 của VCBS:

Năm 2009, sự tăng trưởng mạnh mẽ của thị trường chứng khoán đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các công ty chứng khoán trong đó có VCBS. Năm 2009, lợi nhuận sau thuế của VCBS đạt 330 tỷ đồng. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (không bao gồm hoàn nhập dự phòng) đạt 166 tỷ đồng. Đây là kết quả kinh doanh đáng khích lệ của công ty, sau khi đã trải qua một năm 2008 đầy khó khăn và tạo tiền đề thuận lợi cho hoạt động kinh doanh năm 2010.

1. Hoạt động Môi giới:

Năm 2009 cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán trong việc mở rộng thị phần ngày càng gay gắt. Tuy nhiên, VCBS vẫn giữ vững và mở rộng cơ sở khách hàng. Tính đến hết năm 2009, số lượng tài khoản giao dịch mở tại VCBS đạt hơn 53.000 tài khoản, chiếm khoảng 6% tổng số tài khoản của thị trường. Hoạt động môi giới Trái phiếu vẫn giữ vững vị trí dẫn đầu thị trường với thị phần môi

giới trái phiếu đạt khoảng 28%. Doanh thu phí môi giới của VCBS năm 2009 đạt 117 tỷ đồng, tăng 34% so với năm 2008, trong đó doanh thu từ môi giới cổ phiếu tăng mạnh.

2. Hoạt động Đầu tư Tự doanh

Năm 2009 hoạt động đầu tư của VCBS tập trung chủ yếu vào việc cơ cấu lại danh mục đầu tư và tham gia thị trường một cách thận trọng. Doanh thu hoạt động tự doanh năm 2009 của VCBS đạt 200 tỷ, chênh lệch doanh thu chi phí của hoạt động tự doanh đạt 132 tỷ, hoàn nhập dự phòng 163 tỷ đồng.

3. Hoạt động Công nghệ Thông tin:

VCBS luôn nhận thức hệ thống công nghệ hiện đại là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của công ty chứng khoán. Năm 2009, VCBS đã thực hiện kết nối giao dịch trực tuyến với Sở Giao dịch Hồ Chí Minh (HSX) với năng lực xử lý hơn 600 lệnh/1 giây, đảm bảo hoạt động giao dịch của khách hàng thông suốt, nhanh chóng và chuẩn xác. Tháng 2 năm 2010 VCBS tiếp tục thực hiện kết nối giao dịch trực tuyến với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).

IV. Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2010

Năm 2010, nền kinh tế vẫn gặp nhiều khó khăn, thách thức, kiềm chế lạm phát, thâm hụt thương mại và duy trì sự ổn định của nền kinh tế sẽ là mục tiêu xuyên suốt cho năm 2010. Năm 2010, thị trường chứng khoán sẽ có thể có những thay đổi về cơ chế giao dịch, thanh toán, các sản phẩm dịch vụ mới cũng được thể chế hoá và đưa vào áp dụng, số lượng hàng hoá sẽ đa dạng và nhiều hơn (do các quy định bắt buộc về việc đăng ký lưu ký của các công ty đại chúng). Những yếu tố này sẽ làm tăng tính thanh khoản và qui mô của thị trường, tăng trưởng về giá trị giao dịch được dự báo từ 30%-40% so với năm 2009.

Năm 2010, VCBS xác định là một năm quan trọng trong lộ trình phát triển của Công ty. Mục tiêu năm 2010 của VCBS là củng cố và đẩy mạnh phát triển sản phẩm, mạng lưới trên nền tảng hệ thống công nghệ giao dịch hiện đại và là một trong 5 công ty chứng khoán dẫn đầu về thị phần giai đoạn 2010-2012.

1. Các chỉ tiêu kinh doanh chính của công ty :

- Tổng doanh thu: 477 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 125 tỷ đồng
- ROE: 15%

2. Các định hướng năm 2010

2.1. Kế hoạch đổi mới công nghệ

Xác định công nghệ là một thế mạnh trong hoạt động công ty, năm 2010, VCBS sẽ tập trung triển khai thành công hệ thống phần mềm công nghệ mới, tạo điều kiện nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng và hoạt động quản trị của công ty.

2.2. Kế hoạch phát triển mạng lưới

Việc phát triển mạng lưới và mở rộng các kênh phân phối có vai trò quan trọng trong việc đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh của công ty. Vì vậy, năm 2010, VCBS sẽ mở rộng các kênh phân phối thông qua việc phát triển mạng lưới chi nhánh, Phòng Giao dịch và chuyển đổi các Đại lý nhận lệnh tại địa bàn các tỉnh, thành phố lớn.

2.3. Các hoạt động kinh doanh

Môi giới

- Năm 2010, công ty đặt mục tiêu đối với hoạt động môi giới là giữ vững và củng cố cơ sở khách hàng hiện có, đồng thời thông qua việc mở rộng mạng lưới nhằm phát triển các khách hàng mới tại những địa bàn kinh tế trọng điểm. Để đạt được mục tiêu này công ty cần phải nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng thông qua các giải pháp chính : (1) Phát triển hệ thống công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; (2) Tăng cường cung ứng các sản phẩm, dịch vụ giá trị gia tăng cho khách hàng, đa dạng hoá sản phẩm, phương thức giao dịch trên nền tảng công nghệ hiện đại;

Đầu tư - Tự doanh

- Đẩy mạnh hoạt động tự doanh so với 2009 trên cơ sở thiết lập các cơ chế quản trị, điều hành khoa học, hiệu quả;
- Đẩy mạnh hoạt động trên thị trường trái phiếu, nhằm duy trì vị thế VCBS đối với hoạt động này;
- Tăng cường hoạt động kinh doanh vốn và các sản phẩm phái sinh nhằm đem lại nguồn doanh thu ổn định cho công ty.

Tư vấn tài chính

- Tiếp tục tìm kiếm, mở rộng và phát triển cơ sở khách hàng;
- Tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn, tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác có uy tín trên thị trường tài chính;

- Hợp tác với các tổ chức nước ngoài có uy tín hoạt động trong lĩnh vực Investment Banking để tham gia các hợp đồng M&A lớn, đòi hỏi trình độ kỹ thuật cao, uy tín lớn.

V. Báo cáo tài chính năm 2009:

1. Báo cáo của Ban Giám Đốc:

Ban Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (“Công ty”) là công ty con 100% sở hữu của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam. Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0104000069 ngày 24 tháng 4 năm 2002 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi vào ngày 13 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Ngày 2 tháng 6 năm 2008, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam đã chuyển đổi hình thức sở hữu từ ngân hàng thương mại nhà nước thành ngân hàng thương mại cổ phần và Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam cũng đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Tiếp theo sự thay đổi này, Công ty cũng được đổi tên thành Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0104000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 24 tháng 4 năm 2002 là 60 tỷ đồng Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép kinh doanh điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, tổng vốn điều lệ của Công ty là 700.000.000 nghìn đồng Việt Nam (năm 2008: 512.400.000 nghìn đồng Việt Nam).

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán; lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 17, Tòa nhà Vietcombank, số 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Công ty có 01 chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và 01 chi nhánh tại Thành phố Đà Nẵng.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Lợi nhuận thuần sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty là 324.451.124 nghìn đồng Việt Nam (năm 2008: lỗ thuần sau thuế cho là 270.948.926 nghìn đồng Việt Nam).

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm</i>
Ông Ngô Quang Trung	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2009
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 1 năm 2002, tái bổ nhiệm lại ngày 24 tháng 5 năm 2007, miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2009
Ông Mai Trung Dũng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2007
Ông Lê Việt Hà	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2007
Ông Nguyễn Trường Xuân	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2007
Ông Trần Việt Anh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2009

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc:


- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng

chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

2. Báo cáo kiểm toán độc lập:



Ernst & Young Vietnam Limited
14th Floor, Daeha Business Center
360 Kim Ma Street, Ba Dinh District, Hanoi
Socialist Republic of Vietnam
Tel: 84 4 3831 5100
Fax: 84 4 3831 5090
www.ey.com/vn

Số tham chiếu: 60755033/14128083

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam**


Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Công ty"), và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh các báo cáo tài chính kèm theo (sau đây được gọi chung là "các báo cáo tài chính") được trình bày từ trang 4 đến trang 39. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.



Ernst & Young Vietnam (tr)
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

[Signature]

Võ Tân Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0264/KTV

[Signature]

Nguyễn Phương Nga
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0763/KTV

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2010

3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm trình bày lại
100	A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.669.005.398	1.962.493.061
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	III.1	1.075.714.761	567.351.447
111	1. Tiền		710.714.761	406.248.743
112	2. Các khoản tương đương tiền		365.000.000	161.102.704
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	III.3	5.768.090	1.179.905.217
121	1. Đầu tư ngắn hạn		6.001.063	1.278.994.125
129	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn		(232.973)	(99.088.908)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	III.4	199.255.709	152.473.195
131	1. Phải thu của khách hàng		50.965.225	452.558
132	2. Trả trước cho người bán		490.698	413.010
133	3. Phải thu nội bộ		-	-
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		-	-
138	5. Các khoản phải thu khác		147.799.786	376.372.504
139	6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(224.764.877)
140	IV. Hàng tồn kho		-	-
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		388.266.838	62.763.202
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	III.5	2.477.066	8.009.710
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	III.11	1.818.222	8.437.031
157	4. Giao dịch mua và bán lại trái phiếu Chính phủ	III.6	383.971.550	46.316.461
158	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B - TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN		138.604.337	525.423.328
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		12.228.099	12.045.466
221	1. Tài sản cố định hữu hình	III.7.1	10.995.533	11.784.658
222	Nguyên giá		32.345.247	26.029.602
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(21.349.714)	(14.244.944)
227	2. Tài sản cố định vô hình	III.7.2	1.232.566	260.808
228	Nguyên giá		2.173.140	582.793
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(940.574)	(321.985)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		111.132.505	499.115.833
253	1. Đầu tư vào chứng khoán dài hạn	III.8.1	113.613.578	123.009.668
254	Chứng khoán sẵn sàng để bán		113.544.355	122.940.445
	Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn		69.223	69.223
258	2. Đầu tư dài hạn khác	III.8.2	13.440.000	413.440.000
259	3. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	III.8.1	(15.921.073)	(37.333.835)

260	IV. Tài sản dài hạn khác		15.243.733	14.262.029
261	1. Chi phí trả trước		10.410	4.449.135
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	III.9	12.180.097	8.605.770
268	4. Tài sản dài hạn khác	III.10	3.053.226	1.207.124
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.807.609.735	2.487.916.389
<i>Mã số</i>	<i>NGUỒN VỐN</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm trình bày lại</i>
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.002.096.625	2.007.119.531
310	I. Nợ ngắn hạn		1.001.725.152	2.006.830.323
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	-
312	2. Phải trả người bán		555.999	319.982
313	3. Người mua trả tiền trước		364.980	11.707.092
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	III.11	320.976	320.869
315	5. Phải trả người lao động		6.267.764	647.834
316	6. Chi phí phải trả		300.000	9.774.843
320	7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	III.12	1.027.249	1.305.192
321	8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	III.13	13.918.775	35.922.554
322	9. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		-	200
328	10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	III.14	978.969.409	1.946.831.757
329	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
330	II. Nợ dài hạn		371.473	289.208
334	1. Vay và nợ dài hạn		-	-
336	2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		371.473	289.208
339	3. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		-	-
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	III.15	805.513.110	480.796.858
410	I. Vốn chủ sở hữu		805.247.982	480.796.858
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		700.000.000	512.400.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		914.796	17.243.746
414	4. Cổ phiếu quỹ		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		30.762.096	202.033.146
418	8. Các quỹ dự trữ		20.068.892	20.068.892
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế/(Lỗ tích lũy) chưa phân phối		53.502.198	(270.948.926)
430	II. Quỹ khen thưởng phúc lợi		265.128	-

440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.807.609.735	2.487.916.389
-----	---------------------	---------------	---------------

4. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán.

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm trình bày lại
001	1. Tài sản cố định thuê ngoài	-	-
002	2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		
003	3. Tài sản nhận ký cược	-	-
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
005	5. Ngoại tệ các loại	-	-
006	6. Chứng khoán lưu ký		
	<i>Trong đó</i>		
007	6.1. Chứng khoán giao dịch	4.523.904.390	3.692.588.620
008	6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	49.546.670	124.129.520
009	6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	3.416.557.910	2.931.582.570
010	6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	1.057.799.810	636.876.530
011	6.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	-	-
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	390.948.890	310.658.700
013	6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
014	6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	375.153.860	214.408.700
015	6.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	15.795.030	96.250.000
016	6.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	-	-
017	6.3. Chứng khoán cầm cố	-	-
018	6.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	-	-
019	6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	-	-
020	6.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	-	-
021	6.3.1. Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	-	-
022	6.4. Chứng khoán tạm giữ	-	-
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	61.666.960	308.676.150
028	6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	2.000	272.800
029	6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	61.182.200	280.659.320
030	6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	482.760	27.744.030
031	6.5.4. Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	-	-
032	6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	-	-
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	52.251.870	68.642.500
038	6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	-	8.000.000
039	6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	51.653.970	60.487.300

040	6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	597.900	155.200
041	6.7.4. Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	-	-
042	6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	-	-
047	6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	-	-
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	-	-
	<i>Trong đó:</i>		
051	7.1. Chứng khoán giao dịch	-	-
052	7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
053	7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	-	-
056	7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	-	-
057	7.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
058	7.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	-	-
061	7.3. Chứng khoán cầm cố	-	-
071	7.5. Chứng khoán chờ thanh toán	-	-
072	7.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	-	-
073	7.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	-	-
076	7.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	-	-
081	7.7. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	-	-
	8. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		
	Tổng cộng tài khoản ngoại bảng	5.028.772.110	4.380.565.970

5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008 trình bày lại
01	1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán		326.880.256	484.071.215
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		117.060.617	86.161.548
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	III.16	170.055.388	350.752.598
01.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		165.000	1.433.282
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		392.763	-
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		650.909	2.250.540
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		1.221.392	3.002.765
01.7	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		45.000	-
01.8	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		-	-
01.9	Doanh thu khác	III.17	37.289.187	40.470.482
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	(200.000)

10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		326.880.256	483.871.215
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh		59.520.924	(714.190.642)
	Trong đó:			
	Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	III.18	(103.815.344)	(365.747.998)
	(Chi phí)/hoàn nhập dự phòng hoạt động kinh doanh chứng khoán	III.19	163.336.268	(348.442.644)
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		386.401.180	(230.319.427)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	III.20	(55.497.487)	(40.672.986)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		330.903.693	(270.992.413)
31	8. Thu nhập khác		166.240	43.487
32	9. Chi phí khác		-	-
40	10. Lợi nhuận khác		166.240	43.487
50	11. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế		331.069.933	(270.948.926)
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	III.11	(6.618.809)	-
52	13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	14. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần sau thuế		324.451.124	(270.948.926)

6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008 trình bày lại
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế		331.069.933	(270.948.926)
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao TSCĐ	III.7	7.723.359	5.831.837
03	Các khoản dự phòng		(345.033.574)	348.442.644
05	(Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư		(72.922.330)	(180.663.341)
06	Chi phí lãi vay	III.18	22.721.771	157.984.769
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(56.440.841)	60.646.983
09	(Tăng)/ giảm các khoản phải thu		(200.528.931)	(235.145.297)
10	(Tăng)/ giảm chứng khoán thương mại		1.272.993.063	(16.868.003)
11	Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1.001.901.745)	58.835.638
12	(Tăng)/ giảm chi phí trả trước		9.971.370	(10.497.719)
13	Tiền lãi vay đã trả		(32.196.613)	(158.766.725)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(20.976.024)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	7.880.497
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(8.103.697)	(314.890.650)

	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(13.326.421)	(10.938.548)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	300.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		120.397.342	171.165.836
28	Tiền đầu tư vào chứng khoán dài hạn		9.396.090	93.624.016
29	Tiền đầu tư vào các hoạt động đầu tư khác		400.000.000	(400.000.000)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		516.467.011	(145.848.696)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	III.15	-	312.400.000
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	-
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		-	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	III.15	-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	312.400.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		508.363.314	(148.339.346)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		567.351.447	715.690.793
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		1.075.714.761	567.351.447

